TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-PT.
Ngày: 21 - 02 - 2022.
V/v: tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm.
Ông Huỳnh Châu Thạch.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Nghị – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2022/TLPT-DS ngày 12/01/2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐ-PT ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Minh Phượng U (tên gọi khác là Vy); sinh năm 1973. Cư trú tại: Số nhà 39 đường Trần Quốc T, phường B, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Vũ Minh Phượng U ủy quyền cho: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1981. Cư trú tại: xã Tân Nghĩa, huyện D, tỉnh Lâm Đồng và ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1964. Cư trú tại: Tổ dân phố 18, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 và ông Vũ Ngọc Q, sinh năm 1950.

Cùng trú tại: Số 81, đường Phan Chu Trinh, phường L, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1975. Cư trú tại: Số 34, đường Trần Quốc T, phường B, thành phố Bảo Lộc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Vũ Thị Phương H, sinh năm 1972. Cư trú tại: Số nhà 81, đường Phan Chu Trinh, phường L, thành phố Bảo Lộc.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Vũ Minh Phượng U

Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Ngọc Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê NGọc T, ông Nguyễn Kim Đ trình bày:

Do bà Vũ Minh Phượng U làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng nên có cho bà Nguyễn Thị H và bà Vũ Thị Phương H vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 26/03/2019, bà U cho bà Huệ, bà H vay 02 lần với tổng số tiền 2.630.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng), lập thành 02 giấy vay tiền, 01 giấy ghi nợ số tiền 2.420.000.000đ và 01 giấy ghi nợ số tiền 210.000.000đ.

Đối giấy vay nợ số tiền 2.420.000.000đ, thỏa thuận ngày thanh toán là 30/03/2019, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Giấy vay nợ số tiền này do bà H, bà Huệ cùng ký tên vay, mục đích vay về đáo hạn ngân hàng, trả khoản nợ chung của vợ chồng bà Huệ nên yêu cầu bà H, bà Huệ cùng ông Q liên đới có trách nhiệm trả nợ cho bà U.

Đối với giấy vay nợ số tiền 210.000.000đ, thỏa thuận ngày thanh toán là ngày 05/04/2019, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Giấy vay nợ này có một mình bà Huệ ký tên vay, mục đích vay là để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, bà H tự nguyện có trách nhiệm trả số nợ 210.000.000đ nên yêu cầu bà H cùng liên đới cùng ông Q, bà Huệ trả số tiền này.

Quá trình vay mượn thì bà H mang lên trả cho bà U được tổng số tiền 2.550.000.000đ (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) cụ thể ngày 10/04/2020 trả 100.000.000đ, ngày 21/05/2020 trả 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), ngày 22/07/2020 trả 1.750.000.000đ (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Tuy nhiên, số tiền 1.750.000.000đ là tiền bà H trả cho khoản vay riêng đối với bà U vào ngày 02/04/2019 là 1.550.000.000đ cộng với lãi, không liên quan trong vụ án, nguyên đơn cũng không yêu cầu giải quyết số tiền 1.550.000.000đ trong vụ án này; đối với số tiền 800.000.000đ thì trả vào lãi của khoản vay 2.630.000.000đ. Nay bà U yêu cầu bà Huệ, ông Q và bà H trả cho bà U số tiền vay gốc là 2.630.000.000đ, và lãi tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm cụ thể như sau:

Khoản vay 2.420.000.000, lãi trong hạn phải trả từ ngày 26/03/2019 đến ngày 30/03/2019 là 5 ngày x 1,66%/tháng = 6.695.000đ; Lãi quá hạn của khoản vay 2.420.000.000đ phải trả từ ngày 01/04/2019 đến ngày 09/04/2020 là 374 ngày x 2,49%/tháng x 2.420.000.000đ = 751.216.000đ.

Khoản vay 210.000.000đ lãi trong hạn phải trả từ ngày 26/03/2019 đến ngày 30/03/2019 là 05 ngày x 1.66%/tháng = 581.000đ; lãi quá hạn phải trả của khoản vay 210.000.000đ từ ngày 01/04/2019 đến ngày 09/04/2020 là 374 ngày x 2.49%/tháng = 65.188.000đ.

Ngày 10/04/2020, bà Huệ, Hạnh trả số tiền 100.000.000đ được trừ vào lãi phải trả trong đó 90% của 100.000.000đ (tương ứng với số tiền 90.000.000đ) trả vào lãi của khoản 2.420.000.000đ; cụ thể 751.216.000đ -90.000.000đ = 661.216.000đ là số tiền lãi chưa trả; 10% của 100.000.000đ (tương ứng với số tiền 10.000.000đ) trả vào lãi của khoản 210.000.000đ cụ thể 65.188.000đ-10.000.000đ = 55.188.000đ là số tiền lãi chưa trả.

Lãi quá hạn của khoản vay 2.420.000.000đ tính từ ngày 10/04/2020 đến ngày 20/05/2020 là 41 ngày x 2.49%/tháng = 82.352.000đ; Lãi quá hạn của khoản vay 210.000.000đ từ ngày 10/04/2020 đến ngày 20/05/2020 là 41 ngày x 2,49%/tháng = 7.146.000đ.

Ngày 21/05/2020 bà Huệ, bà H trả số tiền 700.000.000đ được trừ vào lãi phải trả như sau: 91% của 700.000.000đ (tương ứng với số tiền 637.666.000đ) trả cho lãi của khoản vay 2.420.000.000đ cụ thể: 661.216.000đ + 82.352.000đ - 637.666.000đ = 105.902.000đ là số tiền lãi chưa trả; 9% của 700.000.000đ (tương ứng với số tiền 62.334.000đ) trừ vào lãi của khoản vay 210.000.000đ cụ thể: 55.188.000đ + 7.146.000đ – 62.334.000đ = 0đ.

Lãi quá hạn của khoản vay 2.420.000.000đ từ ngày 21/05/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/11/2021 là 542 ngày x 2.49%/tháng = 1.088.000.000đ; Lãi quá hạn của khoản vay 210.000.000đ từ ngày 21/05/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/11/2021 là 542 ngày x 2.49%/tháng = 94.470.000đ.

Như vậy, sau khi cấn trừ số tiền 800.000.000đ mà bà H đã trả thì tổng số tiền lãi chưa trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.088.000.000đ +105.902.000đ + 94.470.000đ = 1.288.372.000đ, làm tròn là 1.288.000.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi tám triệu đồng). Yêu cầu bị đơn bà Huệ, bà H và ông Q liên đới trả số tiền vay gốc là 2.630.000.000đ và lãi tính đến ngày 16/11/2021 là 1.288.000.000đ, tổng cộng là 3.918.000.000đ (Ba tỷ chín trăm mười tám triệu đồng).

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 604553 do UBND thành phố Bảo Lộc cấp ngày 25/07/1998 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H do bà Huệ đưa cho bà U để làm tin thì bà U đồng ý trả lại cho ông Q, bà Huệ.

Đại diện ủy quyền của bị đơn bà Huệ là ông Vũ Văn B trình bày: Thời điểm năm 2019 thì bà U và bà Huệ có vay tiền nhau nhiều lần, nhưng những khoản này bà U và bà Huệ đã thanh toán cho nhau hết không còn nợ nần gì khác, đến ngày 26/03/2019 thì bà Huệ, bà H vay tiền bà U với số tiền 2.630.000.000đ, viết thành 02 giấy nhận nợ với bà U, một giấy là 2.420.000.000đ, một giấy là 210.000.000đ. Đối với khoản 2.630.000.000 này lãi suất hai bên thỏa thuận 3.000đ đến 4.000đ/ 01 triệu/ 01 ngày.

Ngày 26/03/2019, khi đáo hạn Quỹ tín dụng Phường 2 thì bà Huệ đã lấy số tiền rút được từ Quỹ tín dụng trả cho bà U 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), việc trả này do bà H cầm tiền lên trả cho bà U, trả bằng tiền mặt nhưng không lập giấy tờ gì.

Ngày 10/04/2020, bà H trả cho bà U 100.000.000đ, ngày 21/05/2020 bà H trả cho bà U 700.000.000đ, ngày 22/07/2020 bà H trả cho bà U 1.750.00.000đ. Tổng cộng 2.550.000.000đ, việc trả số tiền này bà U có ghi nhận vào tờ giấy ngày 22/11/2020 và đưa cho bà H, kèm theo đó là bản tính lãi do bà U đánh máy tính toán nhưng không ký xác nhận.

Nay bà U yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 2.630.000.000đ và lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.288.000.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi tám triệu đồng) thì bà Huệ không đồng ý. Yêu cầu bà U trả cho bà Huệ, ông Q 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 604553 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H, ngoài ra phía bà Huệ không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Vũ Ngọc Q trình bày: Ngày 26/03/2019 thì vợ ông và con gái (Hạnh) có vay tiền bà U với số tiền 2.630.000.000đ. Số tiền này vay để đáo hạn ở Quỹ tín dụng Phường 2, thanh toán tiền lãi và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Việc vay tiền này ông có biết và đồng ý để vợ và con gái đi vay. Ông chỉ biết vợ và con gái vay tiền của bà U, còn lãi suất cụ thể thì giữa vợ ông với bà U làm việc với nhau, ông không biết.

Sau khi vay tiền một thời gian thì bà U có đến nhà ông đòi tiền, do không có tiền để trả cho bà U nên ông mới viết giấy ủy quyền (không ghi ngày tháng) và giấy khất nợ viết ngày 24/01/2020 đưa cho bà U để cam kết sẽ cùng vợ và con gái trả nợ số tiền trên.

Nay gia đình ông đã trả tổng cộng 3.550.000.000đ cho khoản vay 2.630.000.000đ nên hiện không còn nợ nần đối với bà U. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà U và yêu cầu bà U trả cho vợ chồng ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M604553 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Phương H trình bày: Ngày 26/03/2019, bà và mẹ là bà Huệ lên vay tiền bà Vũ Minh Phượng U số tiền 2.630.000.000đ, mục đích để đáo hạn ngân hàng và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Việc vay mượn tiền ghi thành 02 giấy nợ, một giấy nợ là 2.420.000.000đ và một giấy nợ 210.000.000đ. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi theo ngày, 4.000đ/01 triệu/01 ngày.

Cùng ngày 26/03/2019, gia đình bà đáo hạn Quỹ tín dụng Phường 2, thành phố Bảo Lộc, Quỹ tín dụng giải ngân cho gia đình bà vay lại số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), ngay sau khi nhận được tiền thì bà cùng bà Huệ mang tiền trực tiếp lên nhà bà U để trả; tuy nhiên, do bà U không có nhà nên bà giao tiền trực tiếp cho con bà U, việc trả số tiền này không có giấy tờ gì để chứng minh, cũng không có ai là người làm chứng.

Ngày 10/04/2020, bà mang lên nhà bà U trả cho bà U số tiền 100.000.000đ; ngày 21/05/2020 trả số tiền 700.000.000đ; ngày 22/07/2020 trả số tiền 1.750.000.000đ. Bà U xác nhận đã nhận số tiền 2.550.000.000đ của 03 lần trả này vào tờ giấy ghi ngày 22/11/2020 do chính tay bà U viết.

Tổng cộng gia đình bà đã trả cho bà U số tiền 3.550.000.000đ (ba tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), trả cho khoản vay 2.630.000.000đ vào ngày 26/03/2019. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà U do gia đình bà đã trả vượt số tiền gốc và lãi đã vay. Đối với chứng cứ là 01 tờ giấy ghi nội dung "Ngày 02/04/2019 Hạnh vay 1.550.000.000đ, ngày 22/07/2020 Hạnh trả số tiền

1.750.000.000đ ...” do đại diện nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa bà không biết về tờ giấy này.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DSST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Minh Phượng U.

Buộc ông Vũ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H và bà Vũ Thị Phương H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Vũ Minh Phượng U số tiền vay gốc là 1.132.536.833đ (Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) và lãi quá hạn tính đến ngày 22/11/2021 là 459.662.725đ (Bốn trăm năm mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.592.199.558đ (Một tỷ năm trăm chín mươi hai triệu một trăm chín mươi chín ngàn năm trăm năm mươi tám đồng).

Buộc bà Vũ Minh Phượng U trả cho ông Vũ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 604553 do UBND thành phố Bảo Lộc cấp ngày 25/07/1998 cho hộ bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí:

Bà Vũ Minh Phượng U phải chịu án phí DSST là 78.516.000đ (Bảy mươi tám triệu năm trăm mười sáu ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.102.000đ (năm mươi sáu triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0018774 ngày 26/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Bà U còn phải nộp số tiền án phí DSST là 22.414.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng).

Ông Vũ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H được miễn án phí theo qui định của pháp luật.

Bà Vũ Thị Phương H phải chịu 19.922.000đ (Mười chín triệu chín trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2021, nguyên đơn bà Vũ Minh Phượng U kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Vũ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H và bà Vũ Thị Phương H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Vũ Minh Phượng U số tiền 3.918.000.000đồng; trong đó nợ gốc là 2.630.000.000đồng và nợ lãi là 1.288.000.000đồng.

Ngày 30/11/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H và Vũ Ngọc Quý kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Ngọc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Phương H không kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa

hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm do Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xuất phát từ việc do cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên ngày 26/3/2019 bà Huệ và con gái là chị Hạnh vay tiền của bà U 02 lần với tổng số tiền là 2.630.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 05/4/2019, lãi suất thỏa thuận là 3%. Tuy nhiên, đến hạn bà Huệ không trả nên bà U khởi kiện yêu cầu bị đơn bà vợ chồng ông Q bà Huệ trả nợ số tiền trên. Bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà U; bị đơn bà Huệ ông Q thì:

[2.1] Theo 02 giấy vay tiền ngày 26/3/2019, 01 giấy vay tiền thể hiện bà Huệ và chị Hạnh vay tiền bà U số tiền 2.420.000.000 đồng có chữ ký của bà Huệ và chị Hạnh (bút lục số 66); thời hạn vay 5 ngày kể từ ngày 26/3/2019 đến ngày 30/3/2019, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng và 01 giấy vay tiền cùng ngày thể hiện bà Huệ vay của bà U số tiền 210.000.000 đồng có chữ ký của bà Huệ, thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày 26/3/2019 đến ngày 05/4/2019, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng (bút lục số 65) là có thật. Ngoài ra, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ngày 02/4/2019 bà U có cho chị Hạnh vay số tiền 1.550.000.000đồng có chữ ký xác nhận nợ của chị Hạnh (bút lục số 71). Theo lời khai của các đương sự thể hiện chỉ có bà Huệ và chị Hạnh vay tiền của bà U còn ông Q không vay tiền của bà U.

Bà Huệ và chị Hạnh cho rằng đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 3.550.000.000 đồng vào các ngày như sau: Ngày 27/3/2019 đã trả được 1.000.000.000 đồng; ngày 10/4/2020 trả được 100.000.000 đồng; ngày 21/5/2020 trả được 700.000.000 đồng và ngày 22/7/2020 trả được 1.750.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với số tiền bà Huệ trình bày đã trả cho bà Huệ 01 tỷ đồng ngày 27/3/2019 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và bà U không thừa nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

[2.2] Đối với các lần trả tiền ngày 10/4/2020, ngày 21/5/2020 và ngày 22/7/2020 với tổng số tiền trả là 2.550.000.000 đồng bà U thừa nhận có nhận của bà Huệ số tiền này theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Tuy nhiên, bà U cho rằng số tiền 700.000.000 đồng nhận ngày 10/4/2020 là trả lãi cho khoản vay 2.630.000.000đồng. Còn số tiền 1.750.000.000

đồng trả vào ngày 22/7/2019 là chị Hạnh trả cho bà tiền gốc và lãi của khoản vay 1.550.000.000 đồng ngày 02/4/2019 và có xuất trình cho Tòa án một giấy do bà U viết ngày 02/4/2019 thể hiện nội dung: "Ngày 2/4/2019 Hạnh vay 1.550.000.000 đồng ngày 22/7/2020 Hạnh trả số tiền 1.750.000.000đồng được trừ vào khoản gốc, lãi cách tính như sau: Lãi phải trả từ ngày 2/4/2019 đến ngày 21/7/2020 với mức lãi suất 3%/tháng/1.550.000.000đồng là 736.250.000đồng được trừ vào số tiền 1.750.000.000đồng còn lại 1.013.750.000đồng trả gốc. Kể từ ngày 22/7/2020 Hạnh còn nợ của Uyên (Vy) số tiền gốc 536.250.000đồng yêu cầu Hạnh trả ngay số tiền còn nợ".

Như vậy, cần phải làm rõ chị Hạnh có vay của bà U số tiền 1.550.000.000đồng ngày 02/4/2019 không để xem xét đánh giá số tiền bà U thừa nhận chị Hạnh trả 1.750.000.000đồng là trả cho khoản vay 1.550.000.000đồng hay trả cho khoản vay 2.630.000.000đồng mà các đương sự đang tranh chấp; làm rõ số tiền bà U thừa nhận bị đơn đã trả 2.550.000.000đồng là trả gốc và lãi cho khoản vay nợ nào. Tuy bà U chưa khởi kiện đối với khoản vay 1.550.000.000 đồng ngày 02/4/2019 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định số tiền 1.750.000.000đồng mà chị Hạnh đã thanh toán là trả cho khoản vay 2.630.000.000đồng để khấu trừ là chưa có cơ sở vững chắc trong việc đánh giá chứng cứ.

[3] Mặc dù, việc vay nợ là do một mình bà Huệ thực hiện giao dịch với bà U nhưng ông Q thừa nhận việc bà Huệ vay tiền bà U là để đáo hạn Ngân hàng, đồng thời là người trực tiếp viết giấy ủy quyền và giấy cam kết trả nợ cho bà U. Do khoản vay trong thời kỳ ông Q và bà Huệ vẫn tồn tại quan hệ là vợ chồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Q và bà Huệ có trách nhiệm trả nợ đối với khoản nợ trên và tiền lãi suất phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Riêng đối với chị Hạnh thì theo đơn khởi kiện của ngày 26/3/2021 của bà Uyên (bút lục số 01) đưa bà H vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; trong khi đó chị Hạnh cùng với bà Huệ đã ký xác nhận vay bà U số tiền 2.420.000.000đồng vào ngày 26/3/2019 nên chị Hạnh cũng phải có trách nhiệm trả nợ, nhưng đơn khởi kiện bà U chỉ yêu cầu ông Q, bà Huệ trả cho bà số tiền 2.630.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh, không yêu cầu chị Hạnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H cùng vợ chồng ông Q, bà Huệ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà U số tiền 1.592.199.558 đồng là không đúng pháp luật, vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[5] Từ những phân tích nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại là đúng pháp luật. Do hủy án nên chưa xem xét kháng cáo của các đương sự.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án; hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm cho các đương sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử.

1. Hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DSST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định chung.

2. Về án phí: Hoàn trả cho bà Vũ Minh Phượng U số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004733 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND TP Bảo Lộc;
- Chi CTHA TP Bảo Lộc;
- Các đương sự (04);
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thành Tâm - Huỳnh Châu Thạch

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND TP Bảo Lộc;
- Chi CTHA TP Bảo Lộc;
- Các đương sự (04);
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân